

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung

Ngày 30/06/2025	46,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.3%	-1.3%	3.5%

DT thuần Q2/25
69.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.8 -16.6%
YoY: ▲ 5.00 7.7%

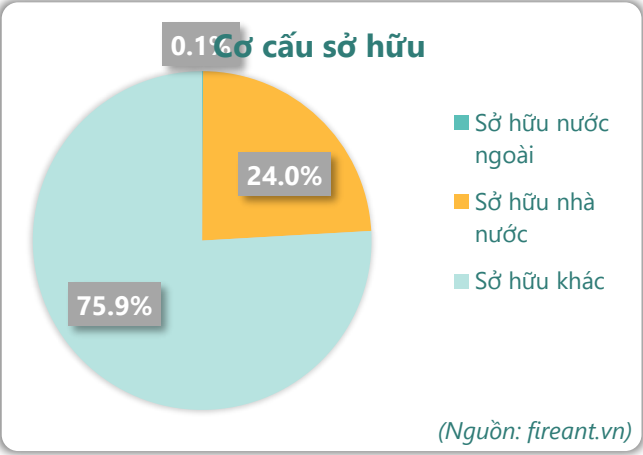
LN thuần Q2/25
44.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.7 -22.3%
YoY: ▲ 3.00 7.2%

LN sau thuế Q2/25
34.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.5 -30.0%
YoY: ▼1.60 -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
58.9%
YoY: +/-▼ 9.7%

ROE (TTM) Q2/25
18.6%
YoY: +/-▲ 1.0%

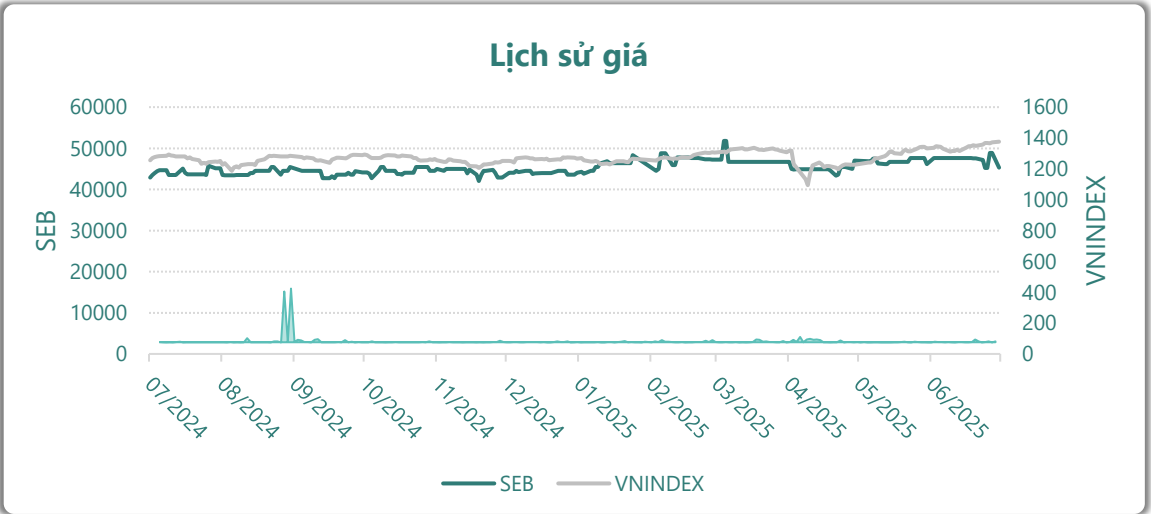
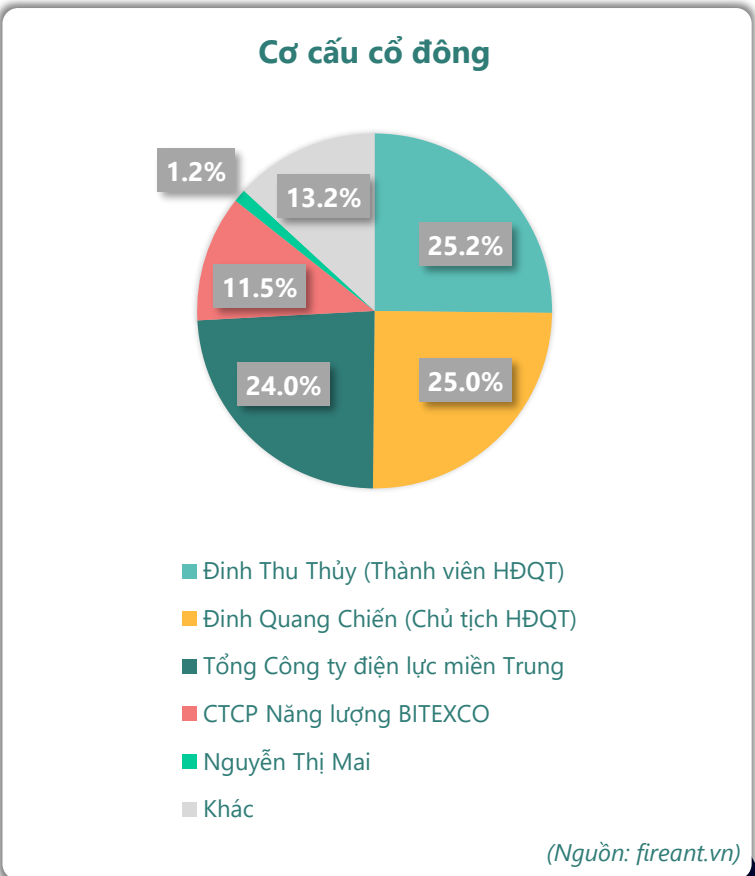
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	42,039 - 51,798
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,475
Số lượng CPLH (CP)	31,999,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)	195
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.02
EPS	3,750
P/E	12.3



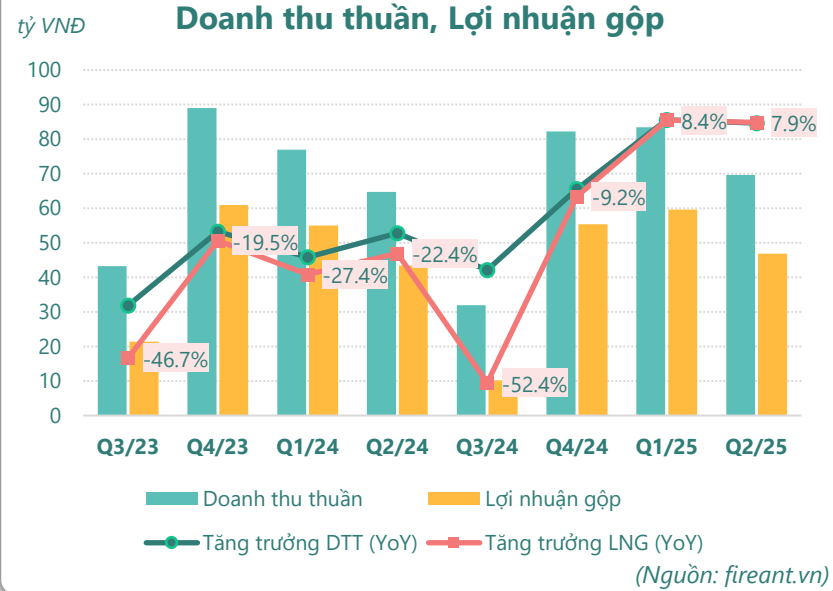
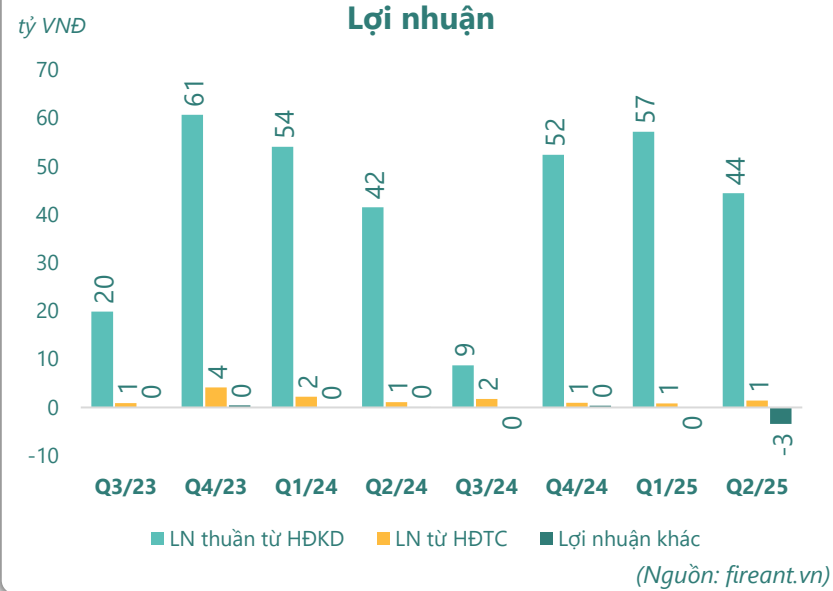
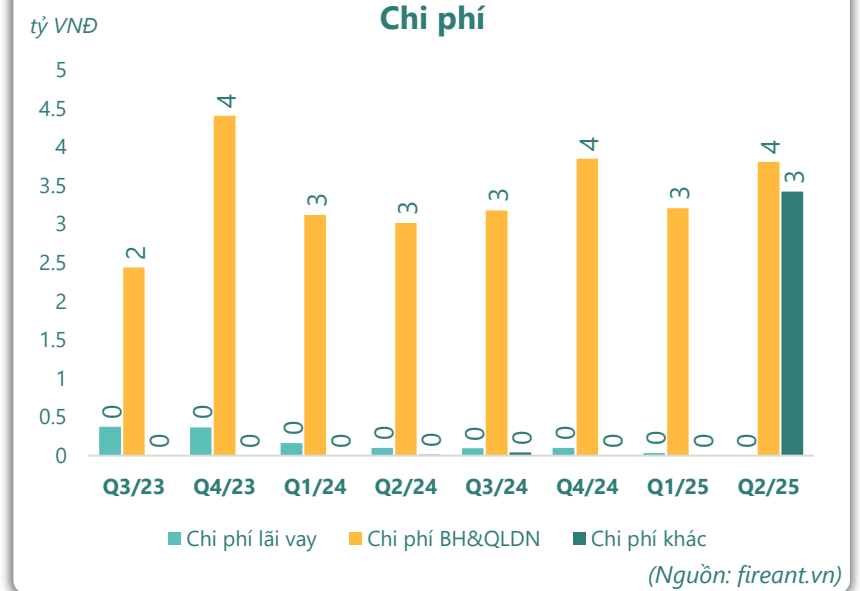
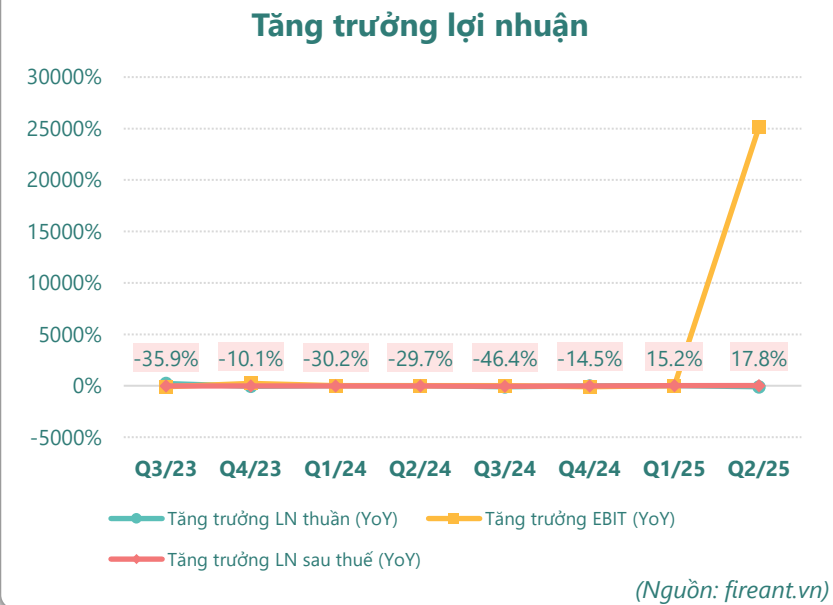
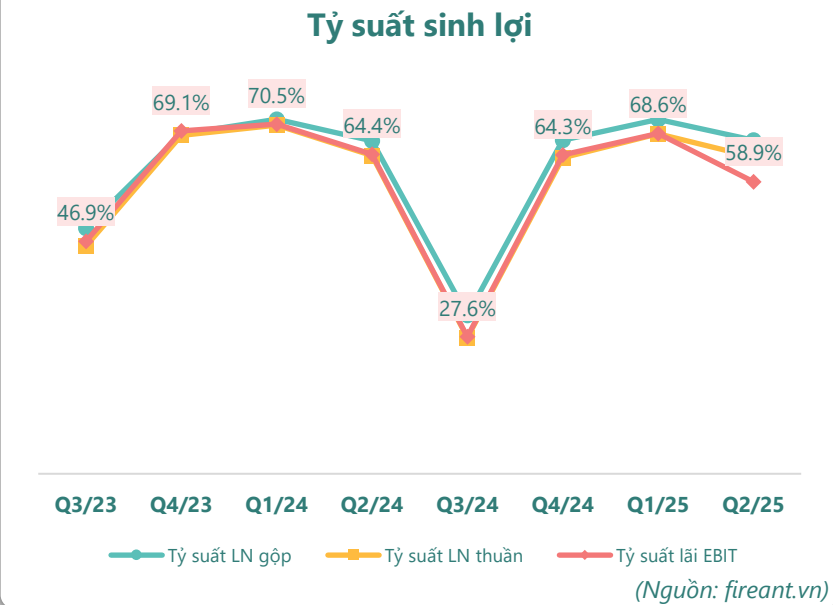
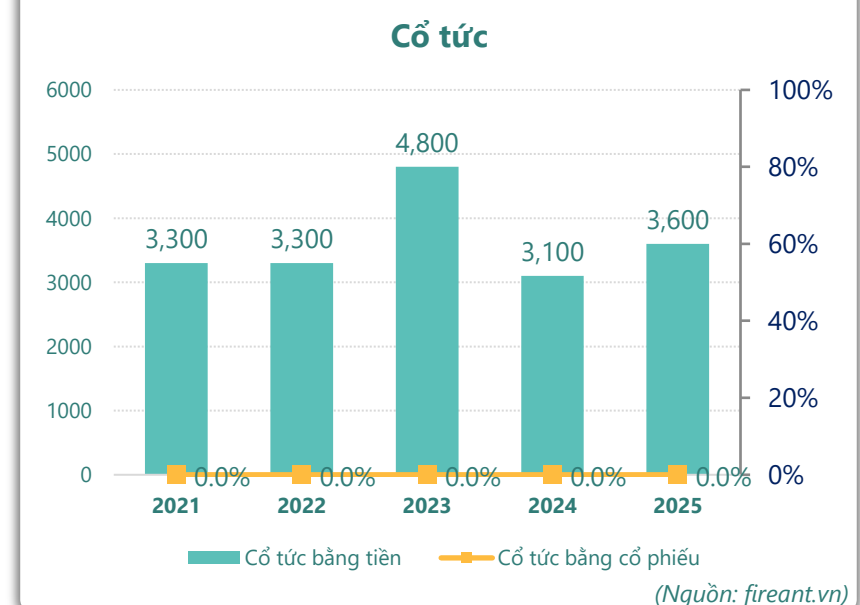
DT thuần 6T 2025
153
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0 8.1%

LN thuần 6T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40 6.4%

LN sau thuế 6T 2025
82.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30 0.5%



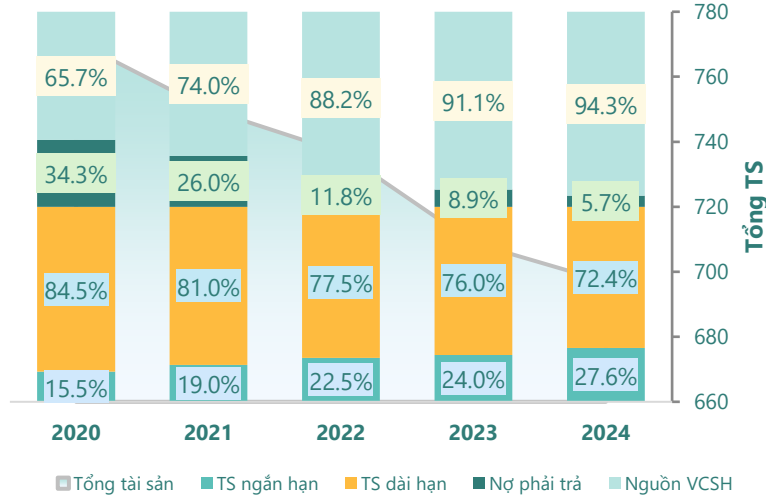
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

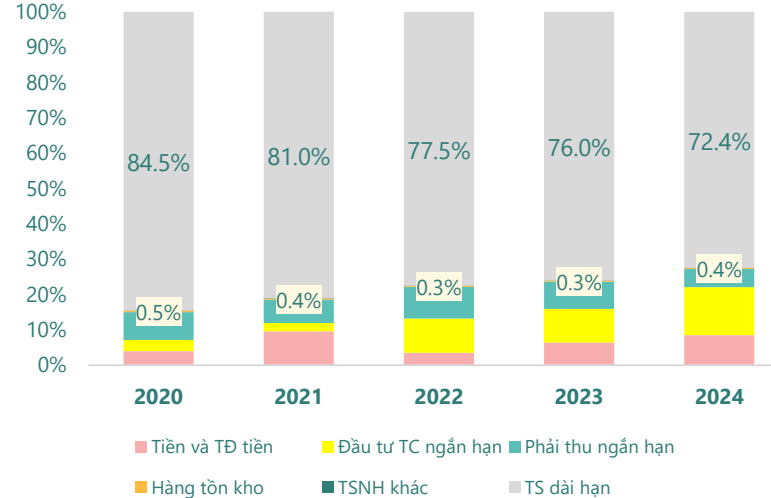
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

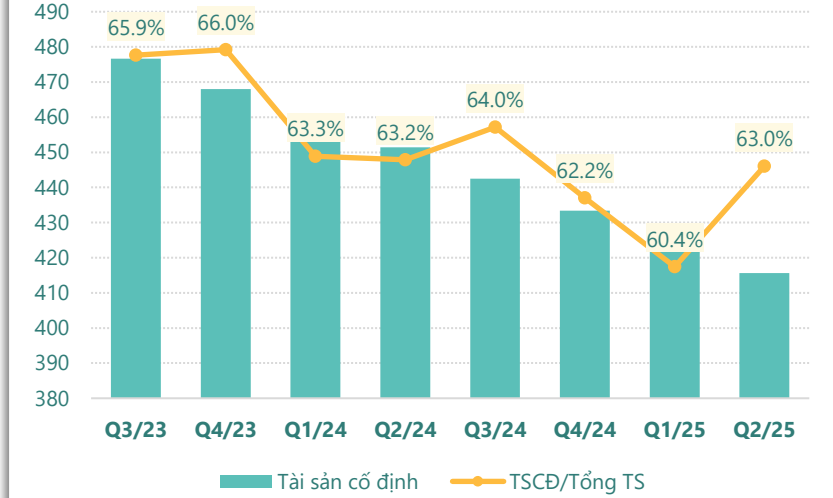
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

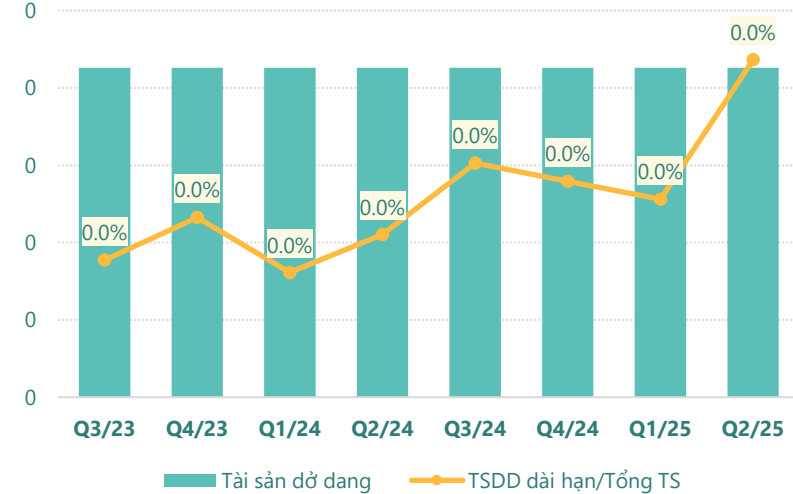
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

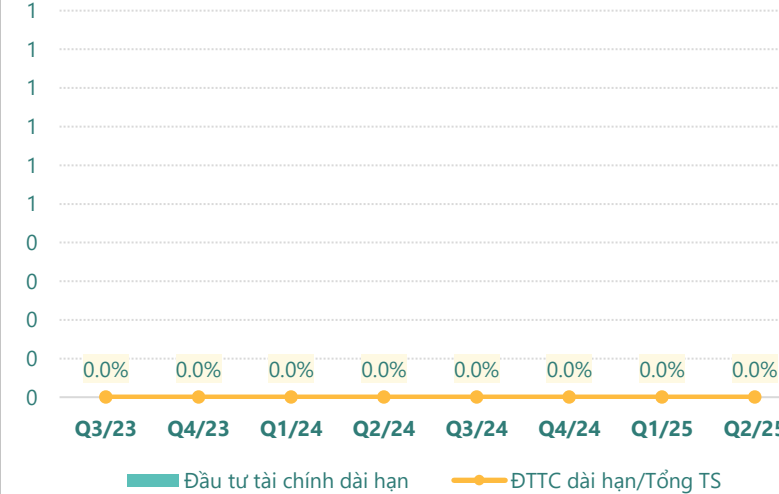
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

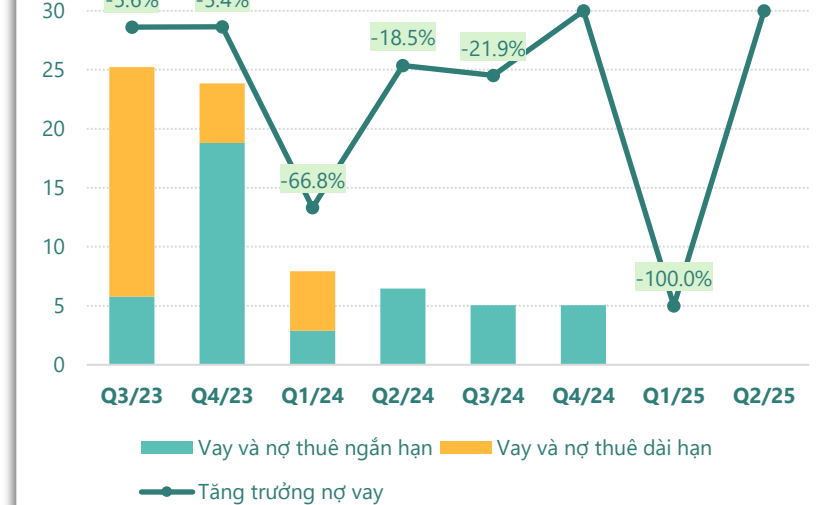
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

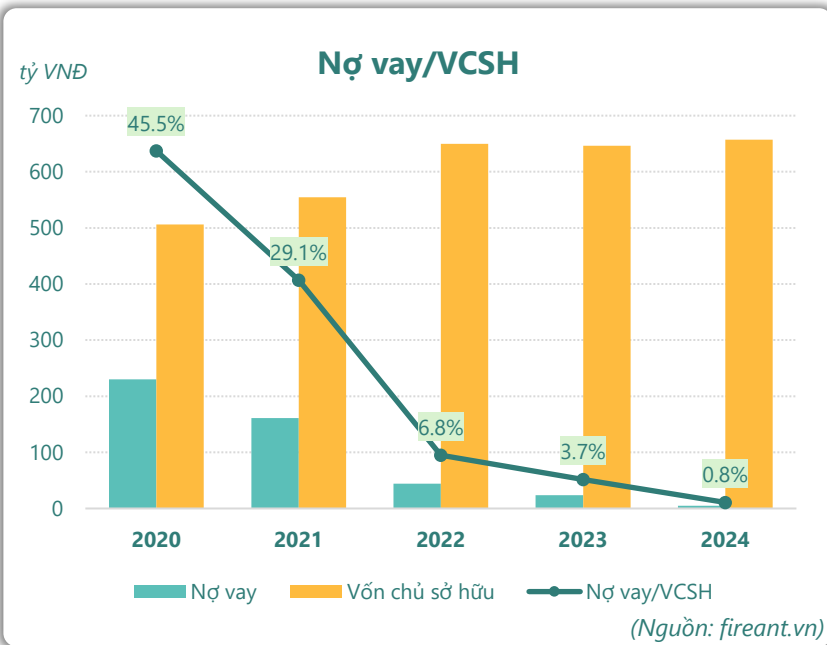
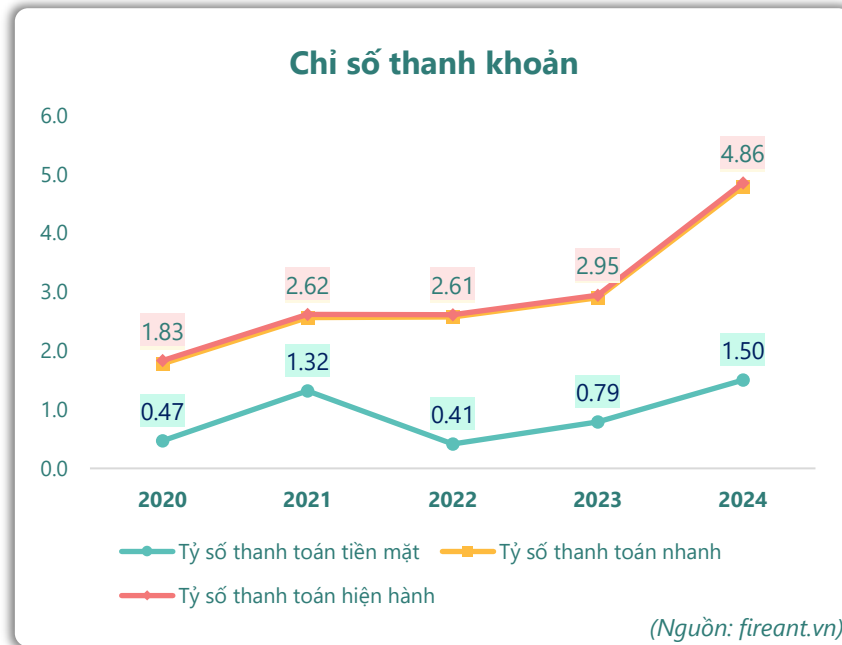
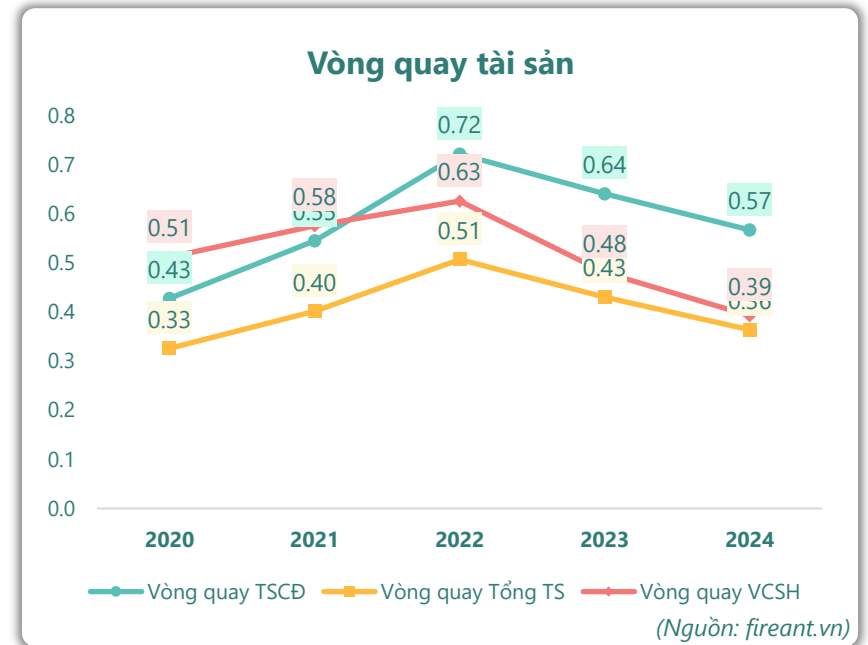
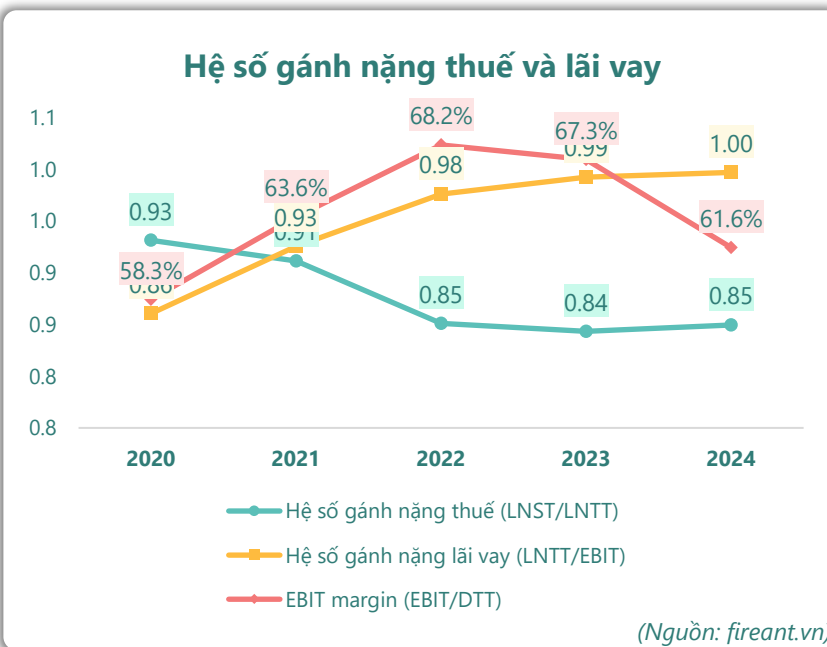
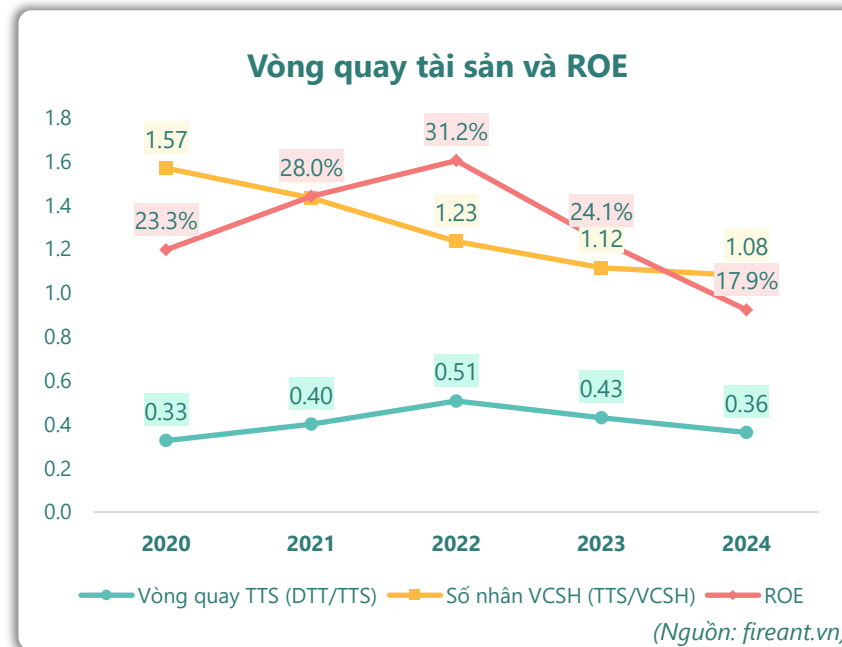
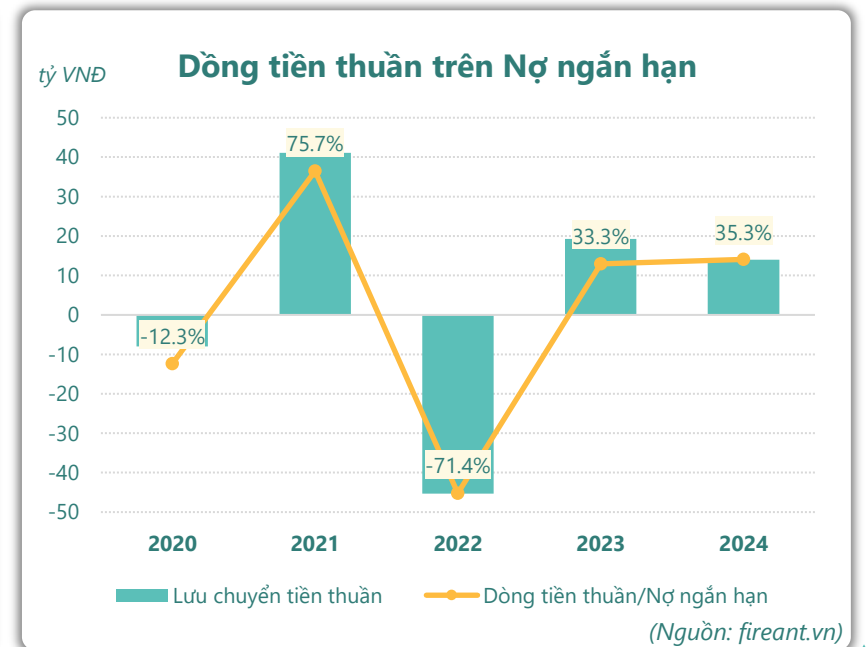
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	69.7	64.7	7.7%	153	142	8.1%
Giá vốn hàng bán	22.8	21.2	7.6%	46.6	43.2	8.0%
Lợi nhuận gộp	46.9	43.4	8.0%	107	98.5	8.2%
Doanh thu HĐTC	1.41	1.30	8.2%	2.25	3.70	-39.2%
Chi phí TC	0	0.22	-100%	0.03	0.42	-91.7%
Chi phí lãi vay	0	0.10	-100%	0.03	0.26	-86.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.81	3.02	26.1%	7.02	6.14	14.3%
LN thuần từ HĐKD	44.5	41.5	7.2%	102	95.6	6.4%
Lợi nhuận khác	-3.43	0.08	-4382%	-3.43	0.08	-4434%
LN trước thuế	41.0	41.6	-1.3%	98.3	95.7	2.7%
Lợi nhuận sau thuế	34.0	35.6	-4.6%	82.4	82.1	0.5%
LNST của CĐ cty mẹ	30.9	30.8	0.2%	73.9	70.8	4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.4	47.6	27.9	50.8	25.5	60.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.5	-20.6	-13.4	32.5	-20.9	15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.9	-49.5	-20.6	-46.7	-37.0	-72.3
Tiền đầu kỳ	45.6	51.6	29.1	23.0	59.6	27.2
Lưu chuyển tiền thuần	5.99	-22.5	-6.07	36.6	-32.4	3.13
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	51.6	29.1	23.0	59.6	27.2	30.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	660	697	-5.3%
Tài sản ngắn hạn	173	193	-10.2%
Tiền và tương đương tiền	30.3	59.6	-49.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	102	94.2	8.5%
Phải thu ngắn hạn	37.7	36.2	4.4%
Hàng tồn kho	2.44	2.49	-2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.33	0.26	27.3%
Tài sản dài hạn	487	504	-3.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	416	433	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.21	0.21	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	70.8	70.6	0.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	30.1	39.7	-24.1%
Nợ ngắn hạn	30.1	39.7	-24.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	5.04	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.18	5.68	8.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	630	657	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	630	657	-4.2%
Vốn điều lệ	320	320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

